

Bản án số: 317/2024/DS-PT
Ngày: 30-7-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản, hợp đồng góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Bà Lê Thị Bích Tuyền

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 238/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hụi”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 253/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị N (tên gọi khác: Nhẹ), sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:** Ông Kiều Văn Ng, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- **Người làm chứng:**

1. Ông Kiều Văn T, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

2. Ông Nguyễn Hùng V, sinh năm 2003;

Địa chỉ: Ấp 4, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo: Ông Kiều Văn Ng - Bị đơn.*

(Bà N, ông Ng, ông T và ông V có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03-3-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày:

Ông Kiều Văn Ng có tham gia góp hội do bà N làm chủ thảo. Cụ thể: loại hội 5.000.000 đồng/tháng, mở ngày 15-02-2021 đến ngày 15-02-2023 âm lịch kết thúc. Tổng cộng 24 người tham gia. Khi tham gia góp hội bà N có giao cho mỗi người tham gia 01 quyển sổ ghi danh sách hội viên. Bà N theo dõi việc góp hội và các hội viên nhận hội từng tháng bằng sổ của bà N. Ông Ng tham gia 03 phần và đã nhận hội 03 phần. Hình thức ông Ng góp hội chết cho bà N là mỗi ngày ông Ng trả góp 340.000 đồng. Ông Ng góp hội chết cho bà N không đủ và không đúng ngày nên bà N và ông Ng phát sinh tranh chấp về tiền hội. Bà N đã ghi âm 02 cuộc nói chuyện giữa bà N và ông Ng vào ngày 10-5-2022 và ngày 04-8-2022. Ông Ng góp hội chết cho bà N xong đến tháng 6 năm 2022. Từ tháng 7 năm 2022 thì không tiếp tục góp hội cho bà N. Ông Ng còn phải góp hội chết cho bà N 07 tháng là 105.000.000 đồng (5.000.000 đồng/phần hội/tháng x 03 phần x 07 tháng). Trước khi bà N và ông Ng trao đổi được bà N ghi âm ngày 10-5-2022, ông Ng có nhờ người trả cho bà N tổng cộng 17.620.000 đồng. Ông Ng còn nợ lại bà N 87.400.000 đồng tiền hội. Ngoài ra ông Ng còn nợ bà N 60.000.000 đồng là tiền bà N cho ông Ng vay. Tổng cộng tiền hội và tiền nợ ông Ng còn nợ bà N 147.400.000 đồng.

Bà N khởi kiện yêu cầu ông Ng trả 147.400.000 đồng gồm 87.400.000 đồng tiền góp hội và 60.000.000 đồng tiền vay; trả lãi của tiền hội 12.180.000 đồng (lãi suất 2%/tháng x 7 tháng (từ ngày 15-9-2022 đến 15-3-2023) x 87.400.000 đồng; trả lãi của tiền vay 15.600.000 đồng (lãi suất 2%/tháng x 13 tháng (từ ngày 05-02-2022 đến 05-3-2023) x 60.000.000 đồng).

Bị đơn ông Kiều Văn Ng trình bày:

Ông Ng không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N. Ông Ng không vay tiền của bà N và không tham gia góp hội do bà N làm chủ thảo. Đối với 02 đoạn băng ghi âm bà N cung cấp không phải là giọng nói của ông Ng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Trần Thị N trình bày: số tiền 60.000.000 đồng ông Ng vay bà N trong năm 2022, bà N không nhớ ngày tháng cụ thể vì ông Ng vay nhiều lần, cộng dồn thành 60.000.000 đồng. Khi vay thỏa thuận lãi suất 3%/tháng nhưng ông Ng không trả tiền lãi cho bà N. Hội gồm 02 dây: Dây 1 ngày 10-8-2020 kết thúc ngày 25-8-2022, ông Ng tham gia 02 phần, đã nhận hội ngày 10-9-2020 và ngày 10-10-2020. Dây 2 ngày 15-02-2021 kết thúc ngày 15-01-2023, ông Ng tham gia 01 phần, đã nhận hội ngày 15-3-2021. Ông Ng góp hội chết đến tháng 7 năm 2022 thì không tiếp tục góp nữa. Bà N yêu cầu ông Ng trả

147.400.000 đồng gồm 87.400.000 đồng tiền góp hụi và 60.000.000 tiền vay và yêu cầu lãi suất 1,66%/tháng. Cụ thể yêu cầu ông Ng trả lãi của tiền hụi 10.155.880 đồng [(lãi suất 1,66%/tháng x 7 tháng (từ ngày 15-9-2022 đến 15-3-2023) x 87.400.000 đồng] và lãi của tiền vay 12.948.000 đồng [(lãi suất 1,66%/tháng x 13 tháng (từ ngày 05-02-2022 đến 05-3-2023) x 60.000.000 đồng]. Bà N rút lại một phần yêu cầu về tiền lãi tổng cộng 4.676.120 đồng (gồm 2.024.120 đồng lãi của tiền hụi và 2.652.000 đồng lãi của tiền vay).

Bị đơn ông Kiều Văn Ng trình bày: ông có vay của bà N 60.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, không nhớ ngày vay. Hàng tháng ông Ng trả cho bà N 5.000.000 đồng hoặc 10.000.000 đồng tiền gốc vay và 1.800.000 đồng lãi vay. Ông Ng đã trả xong toàn bộ tiền vay và lãi cho bà N vào năm 2020 (không nhớ ngày tháng cụ thể) nên không còn nợ bà N tiền vay. Ông Ng không tham gia góp hụi theo trình bày và yêu cầu của bà N nên ông Ng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N. Ông Ng thừa nhận 02 đoạn ghi âm ngày 10-5-2022 và ngày 04-8-2022 do bà N cung cấp cho Tòa án là giọng nói của ông Ng như kết quả giám định nhưng nội dung ghi âm không phải hai bên tranh chấp về tiền góp hụi mà tranh chấp về số tiền vay 60.000.000 đồng mà ông Ng đã trả xong cho bà N năm 2020.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ quyết định:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 161, Điều 244 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N (Nhe) về việc "tranh chấp hợp đồng vay và tranh chấp hợp đồng góp hụi" đối với ông Kiều Văn Ng về số tiền lãi vay là 2.652.000 đồng và số tiền lãi hụi là 2.024.120 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N (Nhe) đối với ông Kiều Văn Ng về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với số tiền 69.794.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N (Nhe) đối với ông Kiều Văn Ng về việc "tranh chấp hợp đồng góp hụi" với số tiền 56.577.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N (Nhe) đối với ông Kiều Văn Ng về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với số tiền 3.154.000 đồng lãi.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N (Nhe) đối với ông Kiều Văn Ng về việc "tranh chấp hợp đồng góp hụi" với số tiền 40.978.880 đồng.

Buộc ông Kiều Văn Ng phải trả cho bà Trần Thị N (Nhẹ) tổng cộng 126.371.000 đồng (một trăm hai mươi sáu triệu, ba trăm bảy mươi một nghìn đồng) gồm: 60.000.000 đồng tiền gốc vay, 9.794.000 đồng tiền lãi vay, 55.000.000 đồng tiền góp hụi, 1.577.000 đồng tiền lãi hụi.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05-12-2023, bị đơn ông Kiều Văn Ng kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đơn kháng cáo của ông Ng trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu ông Ng trả 60.000.000 đồng tiền vay và lãi của tiền vay 12.948.000 đồng:

Ông Ng cho rằng có vay và đã trả cho bà N xong 60.000.000 đồng từ năm 2020 bằng hình thức mỗi tháng trả 5.000.000 đồng hoặc 10.000.000 đồng tiền gốc và 1.800.000 đồng tiền lãi nhưng ông Ng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ đã trả tiền cho bà N. Do đó, có cơ sở xác định ông Ng còn nợ bà N 60.000.000 đồng tiền gốc vay.

Về tiền lãi vay: Bà N và ông Ng đều cho rằng lãi suất vay là 3%/tháng. Mức lãi suất bà N yêu cầu 1,66%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời điểm để bắt đầu tính lãi từ ngày 10-5-2022 (là ngày bà N và ông Ng đã có tranh chấp và được bà N ghi âm lại) là phù hợp, tính đến ngày 05-3-2023 thì thời gian tính lãi vay là 9 tháng 25 ngày, tiền lãi là 9.794.000 đồng. Phần tiền lãi bà N yêu cầu vượt cách tính nêu trên là 12.948.000 đồng - 9.794.000 đồng = 3.154.000 đồng không được chấp nhận. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Ng phải trả cho bà N tiền gốc vay 60.000.000 đồng và tiền lãi vay 9.794.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu ông Ng trả 87.400.000 đồng tiền góp hụi và lãi của tiền góp hụi 10.155.880 đồng:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do bà N cung cấp gồm: danh sách 54 bản chính giấy viết tay ghi hụi có đánh số thứ tự từ 1 đến 54 trong vòng tròn bằng mực màu

đỏ dưới mỗi trang sổ (các trang có số thứ tự 27, 52, 53), 02 đoạn ghi âm ngày 10-5-2022, ngày 04-8-2022, lời khai của những người làm chứng Nguyễn Thị Tố Tr, Phạm Anh T1 có cơ sở xác định: Ông Kiều Văn Ng có tham gia góp hụi do bà N làm chủ thảo, loại hụi 5.000.000 đồng/tháng. Ông Ng tham gia tổng cộng 03 phần hụi gồm: Dây hụi 1, mở ngày 10-8-2020 kết thúc ngày 25-8-2022, ông Ng tham gia 02 phần. Dây hụi 2, mở ngày 15-02-2021 kết thúc ngày 15-01-2023, ông Ng tham gia 01 phần. Bà N cho rằng ông Ng đã góp hụi cho bà N đến tháng 7 năm 2022 thì không tiếp tục góp hụi nữa là có lợi cho ông Ng nên chấp nhận. Dây hụi ngày 10-8-2020 kết thúc ngày 25-8-2022 là chỉ còn 02 kỳ góp hụi (tháng 7 và tháng 8), 01 phần là 5.000.000 đồng x 02 kỳ x 02 phần = 20.000.000 đồng. Dây hụi 15-02-2021 kết thúc ngày 15-01-2023 đã góp đến tháng 7 năm 2022 không góp tiếp thì còn 07 kỳ góp hụi là 5.000.000 đồng x 7 kỳ = 35.000.000 đồng. Như vậy, số tiền góp hụi ông Ng còn phải trả bà N cho cả 02 dây hụi là 20.000.000 đồng + 35.000.000 đồng = 55.000.000 đồng. Phần hụi bà N yêu cầu không có cơ sở là 87.400.000 đồng - 55.000.000 đồng = 32.400.000 đồng không được chấp nhận.

Về tiền lãi của tiền góp hụi: Bà N yêu cầu tính lãi chậm trả tiền góp hụi từ ngày 15-9-2022 đến 15-3-2023 là 06 tháng có lợi cho ông Ng nên có cơ sở chấp nhận. Mức lãi suất bà N yêu cầu 1,66%/tháng là không có căn cứ chấp nhận vì các bên không có thỏa thuận về tiền lãi của hụi nên chỉ tính lãi suất chậm trả theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng). Tiền lãi hụi được tính như sau: Dây hụi ngày 10-8-2020 kết thúc ngày 25-8-2022 tính đến tháng 03 năm 2023 là 06 tháng: 20.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 06 tháng = 996.000 đồng. Dây hụi ngày 15-02-2021 kết thúc ngày 15-01-2023 tính đến tháng 03 năm 2023 là 02 tháng: 35.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 02 tháng = 581.000 đồng. Lãi cả 02 dây hụi là: 996.000 đồng + 581.000 đồng = 1.577.000 đồng. Phần tiền lãi bà N yêu cầu vượt cách tính nêu trên là 10.155.880 đồng - 1.577.000 đồng = 8.578.880 đồng không được chấp nhận. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Ng phải trả cho bà N 55.000.000 đồng tiền hụi và 1.577.000 đồng tiền lãi của tiền hụi là phù hợp theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Từ những căn cứ nêu trên, kháng cáo của ông Kiều Văn Ng không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Kiều Văn Ng đúng theo quy định tại các điều 272, 273 và 276 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Ông Ng kháng cáo yêu cầu xét xử phúc thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Bà Trần Thị N khởi kiện ông Kiều Văn Ng yêu cầu trả 60.000.000 đồng tiền vay, 87.400.000 đồng tiền góp hụi và tiền lãi phát sinh của tiền vay và tiền lãi của tiền góp hụi nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh

chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp hợp đồng góp hụi”. Và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu ông Ng trả 60.000.000 đồng tiền vay và lãi của tiền vay 12.948.000 đồng (lãi suất 1,66%/tháng x 13 tháng tính từ ngày 05-02-2022 đến ngày 05-3-2023) như sau:

[4]. Bà N trình bày, bà có cho ông Ng có vay tiền nhiều lần cộng dồn thành 60.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng. Đến năm 2022, ông Ng vẫn còn nợ bà N 60.000.000 đồng là phù hợp với nội dung đoạn ghi âm ngày 10-5-2022 vì có đề cập đến số tiền vay 60.000.000 đồng và tiền lãi 1.800.000 đồng. Ông Ng cũng thừa nhận có vay tiền của bà N 60.000.000 đồng nhưng đã trả xong từ năm 2020 bằng hình thức mỗi tháng trả 5.000.000 đồng hoặc 10.000.000 đồng tiền gốc và 1.800.000 đồng tiền lãi. Bà N không thừa nhận ông Ng đã trả xong. Ông Ng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ đã trả tiền cho bà N.

[5] Ông Ng cho rằng đã trả dần cho bà N mỗi tháng 5.000.000 đồng hoặc 10.000.000 đồng tiền gốc và 1.800.000 đồng tiền lãi là không phù hợp, vì nếu trả dần tiền gốc mỗi tháng thì tiền lãi mỗi tháng phải giảm dần, không phải là 1.800.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc ông Ng phải trả cho bà N 60.000.000 đồng tiền gốc vay là có căn cứ, phù hợp với Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Về tiền lãi: Bà N và ông Ng đều thống nhất lãi suất vay là 3%/tháng. Các bên không có thỏa thuận thời hạn trả nên xác định đây là hợp đồng vay tiền không kỳ hạn và có lãi. Bà N không xác định được ngày vay cụ thể nên không có căn cứ để tính lãi từ ngày vay cho đến ngày trả tài sản hoặc ngày xét xét sơ thẩm theo quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự. Bà N chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày 05-3-2023 là quyền tự định đoạt của bà N và có lợi cho ông Ng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các bên thống nhất lãi suất vay là 3%/tháng nay bà N yêu cầu mức lãi suất 1,66%/tháng là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Xác định thời điểm để bắt đầu tính lãi từ ngày 10-5-2022 (là ngày bà N và ông Ng đã có tranh chấp và được bà N ghi âm lại) đến ngày 05-3-2023 là 9.762.760 đồng (60.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 9 tháng 23 ngày) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tính ra số tiền lãi 9.794.000 đồng là tính toán chưa chính xác nên cần sửa một phần bản án sơ thẩm, buộc ông Ng trả cho bà N số tiền lãi 9.762.760 đồng. Phần tiền lãi bà N yêu cầu không được chấp nhận là 3.185.240 đồng (12.948.000 đồng - 9.762.760 đồng). N vậy, cần buộc ông Ng phải trả cho bà N 60.000.000 đồng tiền gốc vay và tiền lãi 9.762.760 đồng. Kháng cáo của ông Ng đối với số tiền lãi là có căn cứ chấp nhận một phần; đối với số tiền vay 60.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận

[8] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu ông Ng trả 87.400.000 đồng tiền góp hụi và lãi của tiền góp hụi 10.155.880 đồng (lãi suất 1,66%/tháng x 7 tháng, tính từ ngày 15-9-2022 đến ngày 15-3-2023), xét thấy:

[9] Bà N cung cấp danh sách 54 bản chính giấy viết tay ghi hụi có đánh số thứ tự từ 1 đến 54 trong vòng tròn bằng mực màu đỏ dưới mỗi trang sổ trong đó có các trang có số thứ tự 27, 52, 53 để chứng minh ông Ng lãnh hụi nhưng ông Ng không thừa nhận có lãnh hụi, 54 trang giấy này do bà N tự ghi, không có ký nhận của ông Ng

[10] 02 đoạn ghi âm ngày 10-5-2022 và ngày 04-8-2022, ông Ng thừa nhận giọng nói trong 02 đoạn ghi âm là giọng nói của ông Ng. Nội dung ghi âm chỉ thể hiện việc bà N và ông Ng tranh cãi về tiền hụi và tiền vay, không thể hiện rõ: dây hụi nào, thời gian mở hụi, số tiền bao nhiêu, ông Ng lãnh hụi bao nhiêu tiền, tham gia bao nhiêu phần, lãnh hụi ngày nào, còn bao nhiêu kỳ hụi chết ông Ng chưa đóng.

[11] Lời khai của những người làm chứng Nguyễn Thị Tố Tr, Phạm Ánh T1 trình bày: ông Ng có tham gia góp hụi do bà N làm chủ thảo, loại hụi 5.000.000 đồng/tháng. Ông Ng tham gia tổng cộng 03 phần hụi gồm: Dây hụi 1, mở ngày 10-8-2020 kết thúc ngày 25-8-2022, ông Ng tham gia 02 phần. Dây hụi 2, mở ngày 15-02-2021 kết thúc ngày 15-01-2023, ông Ng tham gia 01 phần nhưng không rõ ông Ng đã lãnh hụi bao nhiêu tiền, vào kỳ thứ mấy, còn bao nhiêu kỳ hụi chết chưa đóng.

[12] Tại Điều 12 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 về họ, hụi, biêu, phường của Chính phủ quy định chủ hụi phải lập sổ hụi và giữ sổ hụi có các nội dung sau đây: Họ, tên, nơi cư trú của chủ hụi, của các thành viên; số lượng thành viên; phần hụi; thời gian diễn ra dây hụi, kỳ mở hụi; thể thức góp hụi, lĩnh hụi; ngày góp phần hụi, số tiền đã góp hụi của từng thành viên; ngày lĩnh hụi, số tiền đã lĩnh hụi của thành viên lĩnh hụi; chữ ký hoặc điểm chỉ của thành viên khi góp hụi và lĩnh hụi...Xét thấy, bà N cho rằng ông Ng có tham gia hụi của bà nhưng không có giấy tờ gì thể hiện ông Ng ký tên góp hụi và lĩnh hụi là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

[13] Mặt khác, tại đơn khởi kiện ngày 03-3-2023 bà N trình bày ông Ng có tham gia một dây hụi 5.000.000 đồng/tháng mở ngày 15-02-2021 âm lịch, ông Ng tham gia 03 phần, đã lãnh 03 phần. Ông Ng còn phải góp hụi chết cho bà N 07 tháng là 105.000.000 đồng (5.000.000 đồng/phần hụi/tháng x 03 phần x 07 tháng). Ông Ng có nhờ người trả cho bà N tổng cộng 17.620.000 đồng nên ông Ng còn nợ lại bà N 87.400.000 đồng.

[14] Tại phiên tòa sơ thẩm bà N lại trình bày ông Ng tham gia 02 dây hụi: Dây 1 ngày 10-8-2020 kết thúc ngày 25-8-2022, ông Ng tham gia 02 phần, đã nhận hụi ngày 10-9-2020 và ngày 10-10-2020. Dây 2 ngày 15-02-2021 kết thúc ngày 15-01-2023, ông Ng tham gia 01 phần, đã nhận hụi ngày 15-3-2021. Ông Ng góp hụi chết đến tháng 7 năm 2022 thì không tiếp tục góp nữa. Như vậy, dây hụi ngày 10-8-2020 kết thúc ngày 25-8-2022 là chỉ còn 02 kỳ góp hụi (tháng 7 và tháng 8) là 20.000.000 đồng (5.000.000 đồng x 02 kỳ x 02 phần); dây hụi 15-02-2021 kết thúc ngày 15-01-2023, đến tháng 7 năm 2022 không góp tiếp thì còn 07 kỳ góp hụi là 35.000.000 đồng (5.000.000 đồng x 7 kỳ), tổng số tiền góp hụi ông

Ng còn phải trả bà N cho cả 02 dây hụi là 55.000.000 đồng (20.000.000 đồng + 35.000.000 đồng) nhưng bà N vẫn khởi kiện yêu cầu ông Ng trả tiền hụi với số tiền 87.400.000 đồng là mâu thuẫn với đơn khởi kiện ngày 03-3-2023.

[15] Như vậy, từ đơn khởi kiện, phiên tòa sơ thẩm và đến phiên tòa phúc thẩm bà N trình bày có nhiều mâu thuẫn và không nắm rõ được cụ thể số tiền hụi ông Ng còn nợ. Xét các tài liệu chứng cứ bà N cung cấp (đều do bà N tự ghi, không có ký xác nhận của ông Ng) nên không đủ căn cứ xác định được ông Ng tham gia bao nhiêu phần hụi, đã lãnh hụi bao nhiêu tiền, kỳ thứ mấy, góp hụi chết đến ngày nào, còn thiếu lại bao nhiêu kỳ chưa đóng.

[16] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào các tài liệu do bà N tự ghi, 02 đoạn ghi âm và lời khai của Nguyễn Thị Tố Tr, Phạm Ánh T1, theo đơn khởi kiện ngày 03-3-2023 và tại phiên tòa sơ thẩm, bà N cho rằng ông Ng đã góp hụi cho bà N đến tháng 7 năm 2022 để buộc ông Ng trả cho bà N 55.000.000 đồng tiền hụi chết tính từ tháng 7/2022 và tiền lãi chậm trả 1.577.000 đồng là không đủ cơ sở vững chắc.

[17] Kháng cáo của ông Ng đối với số tiền hụi là có căn cứ chấp nhận, cần sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu ông Ng trả 87.400.000 đồng tiền góp hụi và lãi của tiền góp hụi 10.155.880 đồng.

[18] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Ng là có căn cứ chấp nhận một phần.

[19] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu của bà N được Tòa án chấp nhận 69.762.760 đồng (60.000.000 đồng tiền vay + 9.762.760 đồng tiền lãi) nên ông Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.488.138 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Yêu cầu của bà N không được Tòa án chấp nhận là 100.741.120 đồng (3.185.240 đồng tiền lãi của tiền vay + 87.400.000 đồng tiền góp hụi + 10.155.880 đồng lãi của tiền góp hụi) nên bà N phải chịu 5.037.056 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[20] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên ông Ng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Kiều Văn Ng;

Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ;

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 161, Điều 244 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N (Nhẹ) về việc "Tranh chấp hợp đồng vay và tranh chấp hợp đồng góp hụi" đối với ông Kiều Văn Ng về số tiền lãi vay là 2.652.000 đồng và số tiền lãi hụi là 2.024.120 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N (Nhẹ) "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Kiều Văn Ng.

Buộc ông Kiều Văn Ng có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị N (Nhẹ) số tiền 69.762.760 đồng (gồm 60.000.000 đồng tiền vay và 9.762.760 đồng tiền lãi).

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N (Nhẹ) "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với ông Kiều Văn Ng đối với số tiền lãi 3.185.240 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N (Nhẹ) "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" với ông Kiều Văn Ng đối với 87.400.000 đồng tiền góp hụi và 10.155.880 đồng lãi.

Về chi phí tố tụng:

Buộc ông Kiều Văn Ng phải chịu 6.800.000 đồng (sáu triệu tám trăm nghìn đồng) chi phí giám định để hoàn trả lại cho bà Trần Thị N.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị N phải chịu 5.037.056 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ với 3.685.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu số 0004575 ngày 04-5-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ để thi hành án phí. Bà N còn phải chịu 1.352.056 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Kiều Văn Ng phải chịu 3.488.138 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Kiều Văn Ng không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông Ng số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004232 ngày 05-12-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

